TRƯỜNG THCS SI MA CAI

CẤU TRÚC ĐỀ KHẢO SÁT KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH ĐẦU NĂM LỚP 6

Môn: Tiếng Anh

Năm học 2026 – 2027

Thời gian: 60 phút (không kể thời gian giao đề)

I. Trắc nghiệm (7đ)

*** Ngữ âm**

1. Khoanh tròn vào đáp án A,B,C hoặc D có phần gạch chân phát âm khác các từ còn lại (Âm y, ea, ou, o, ch)(5 câu)

*** Ngữ pháp, từ vựng**

2. Khoanh tròn vào đáp án A,B,C hoặc D để hoàn thành các câu sau: (Từ vựng, ngữ pháp, từ để hỏi, động từ thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, a, an, there is, there are, giới từ…) (10 câu)

3. Nối câu hỏi ở cột A với câu trả lời ở cột B . (5 câu)

*** Đọc**

4. Đọc đoạn văn sau đó chọn đáp án A,B, C hay D để trả lời câu hỏi (khoảng 40-60 từ) (5 câu)

II. Tự luận (3đ)

*** Viết**

1. Viết lại các từ sau sang tiếng Anh (5 câu)

1. Chụp ảnh	2. Thu lượm vỏ sò	3. Đi bộ trên biển
4. Đi thuyền quanh vịnh	5. Ăn hải sản	6. Ngắm cảnh đẹp
7. Mua quà lưu niệm	8. Khám phá hang động	9.Trang trí nhà
10. đi mua sắm	11. Làm bánh chưng	12. Làm nem
13. Mua 1 cành đào	14. Đi thăm ông bà	15. đi lễ hội hoa
16. Xem pháo hoa	15. Dọn dẹp nhà	16. Trồng cây
17. Tập thể dục	18. Chơi thể thao	19. Uống nước ép
20. ăn thức ăn lành mạnh	21. Ăn rau	22. Đau răng
23. Đau đầu	24. Đau họng	25. Đau bụng

26. Đi nha sĩ	27. Nghỉ ngơi	28. Uống nước ấm
29. Uống thuốc	30. 1 lần 1 tuần	31. 2 lần 1 tuần
32. thời tiết	33. nóng	34. Lạnh
35. Mát mẻ	36. ấm áp	37. mùa hè
38.Mùa thu	39. Mùa đông	40.Mùa xuân
41.nắng	42. Mưa	43. Ẩm
44. Áo cánh	45. quần dài	46. quần bò
47. Áo len	48. Mặc	49. Mùa
50. Nhân vật chính	51. Nàng Bạch Tuyết	52. Bảy chú lùn
53. Kiến	54. Châu chấu	55. Cáo
56. Quạ	57. Rùa	58. thỏ
59. Nấu ăn giỏi	60. Làm việc chăm chỉ	61. Chạy nhanh
62. hát hay	63. Nhà hát hà nội	64. Cầu rồng
65. Quảng trường	66. Bảo tàng	67. Hồ
68. Công viên nước	69. Chùa	70. Thác nước
71. xe buýt	72. Xe đạp	73. thuyền
74.yên bình	75. náo nhiệt	76. đẹp
77. tuyệt vời	78. bao xa	79. ki-lo-met

2. Sắp xếp các từ cho sẵn để tạo thành câu hoàn chỉnh. (5 câu)

VD

1. the / in the / main characters. / are / Who / are / story /?

_____

2. parents / My / healthy/ food / do yoga / eat / and / daily./

_____

3. kilometres/ to/ Hai Duong / from/ It/ is /about/ Ha Noi/60/.

_____

4. Mai/ wears/ always/Red Ao Dai/ Tet holiday/ get/ to/ luck/ more/on/.

_____

5. last/November./ They/ Ben Thanh/ Market/ went/to

_____

6. they/ last/weekend? /Did/ go/ to/ London/

_____

7. will/ a/ show/ fireworks/ We/ go/to/in/the/park.

_____

8. sports/ They'll/ on/ play/ and/ games/ Teacher's/ Day.

_____

9. drinks/My sister/ three/ a/ week. / times/ juice/ fresh

_____

10. cleaned/ the/ house/ with/ seven/ dwarfs/ Snow White/ lived/ very/ well./ and she

_____

3: Viết về một nơi/ địa điểm yêu thích mà bạn muốn đến thăm.(khoảng 40-60 từ)

VD:

- Where do you want to visit?
- How far is it from your hometown?
- How can you get there?
- What can you do there?